

Số: 1029/STP-XD&KTVB
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định quy phạm pháp luật

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2019

- Kính gửi:
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
 - Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện sự phân công của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã soạn thảo dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tư pháp xin gửi dự thảo Quyết định nêu trên và đề nghị các cơ quan, đơn vị (*như kính gửi*) tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tư pháp **trước ngày 26 tháng 10 năm 2019** (*văn bản tham gia ý kiến có chữ ký số hoặc file PDF có chữ ký và đóng dấu đỏ*) thông qua “*Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp*” hoặc hộp thư điện tử: tuphap@tuyenquang.gov.vn. Lưu ý: Các cơ quan gửi văn bản dưới hình thức văn bản điện tử nêu trên không gửi văn bản giấy. Cơ quan gửi văn bản điện tử nhưng không phải file PDF có chữ ký và dấu đỏ hoặc chữ ký số thì phải đồng gửi bản giấy.

Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tham mưu trình ban hành văn bản trong danh sách đề nghị sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Quyết định, đề nghị tham gia và phải có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tư pháp tổng hợp, đồng thời chịu trách nhiệm đối với nội dung, văn bản do đơn vị trình ban hành.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo văn bản được đăng tải trên Website Sở Tư pháp, địa chỉ <http://tuphaptuyenquang.gov.vn>, mục Lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Cổng thông tin điện tử tỉnh và được gửi qua hộp thư điện tử/ hoặc Hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị)

Nơi nhận:

- Như kính gửi (tham gia);
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Website STP;
- Lưu VT, XD&KTVB.
Loan.35b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuợc

Số: /TTr-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 131 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thực hiện Văn bản số 2701/UBND-NC ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh về việc xây dựng quyết định quy phạm pháp luật thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Ngày 24/01/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2019/NĐ-CP Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, tại Khoản 1 Điều 1 quy định yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo định kỳ như sau:

“1. Chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước phải được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

- Ngày 09/5/2019, Văn phòng Chính phủ ban hành Văn bản số 3854/VPCP-KSTT về việc thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, điểm a khoản 3 có nêu:

“a) Căn cứ kết quả rà soát và phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ theo Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 và quy định tại các Điều 5,6,7,8,11,12 và 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP để ban hành Quyết định (hoặc sửa đổi, bổ sung các Quyết định hiện hành) quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý theo địa bàn ...”.

- Ngày 31/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 1504/UBND-KSTT về việc sửa đổi, bổ sung báo cáo định kỳ.

- Tại khoản 1 Điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành...”

Từ các vấn đề nêu trên, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích:

- Nhằm kịp thời triển khai thi hành Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Thiết lập khung pháp lý thống nhất về chế độ báo cáo, góp phần từng bước thực hiện đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng hệ thống báo cáo đồng bộ, thống nhất, phục vụ thiết thực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; đồng thời, giảm tải gánh nặng hành chính trong tuân thủ chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Đảm bảo việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, nhất là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

- Kịp thời xử lý những nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, giảm gánh nặng hành chính trong tuân thủ chế độ báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảm bảo tiết kiệm thời gian, nhân lực thực hiện, loại bỏ các báo cáo, nội dung báo cáo không cần thiết, cắt giảm tối đa số lượng và tần suất báo cáo.

III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để soạn thảo, trình ban hành văn bản gồm:

- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “*Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước*”;
- Văn bản số 3854/VPCP-KSTT ngày 09/5/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;
- Văn bản số 1504/UBND-KSTT ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung báo cáo định kỳ;
- Văn bản số 2701/UBND-NC ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng quyết định QPPL thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ;
- Một số văn bản có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

- Ngày 22/9/2019, Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 144/QĐ-STP về thành lập Tổ soạn thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ soạn thảo đã tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả rà soát các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung quy định về chế độ báo cáo được nêu tại Công văn số 1504/UBND-KSTT ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung báo cáo định kỳ và nghiên cứu các văn bản pháp luật hiện hành quy định về chế độ báo cáo.

- Thực hiện Văn bản số 2701/UBND-NC ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng quyết định QPPL thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ, trong đó nêu rõ “*Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, soạn thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung quy định về chế độ báo cáo được nêu tại Công văn số 1504/UBND-KSTT ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân*

tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung báo cáo định kỳ”, Sở Tư pháp đã tiến hành soạn thảo dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ngày .../10/2019, Sở Tư pháp đã có Văn bản số .../STP-XD&KTVB đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân; ban hành Văn bản số .../STP-XD&KTVB về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định. Kết quả, đã có ... cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có văn bản tham gia ý kiến, trong đó có .../... cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia, .../... cơ quan, đơn vị nhất trí hoàn toàn với dự thảo Quyết định. Ngày ..., Sở Thông tin và Truyền thông có Văn bản số .../STTTT-BBTCTTĐT về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Cổng Thông tin điện tử tỉnh đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, kết quả từ ngày ... đến hết ngày ... có ... ý kiến đóng góp nào của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Cổng Thông tin điện tử tỉnh. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp đã tổ chức nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc để hoàn chỉnh dự thảo văn bản.

- Ngày .../.../2019, Sở Tư pháp ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Quyết định số .../QĐ-STP*), gồm: Ngày .../.../2019, Hội đồng tư vấn thẩm định đã tổ chức họp thẩm định dự thảo Quyết định.

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại Báo cáo số .../BC-STP ngày/.../2019, Sở Tư pháp đã tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Quyết định gồm 06 điều, cụ thể:

- Điều 1: Quy định sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 5 Quy định về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Điều 2: Quy định sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11 Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Điều 3: Quy định sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 8 Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Điều 4: Quy định sửa đổi, bổ sung Điều 21 Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Điều 5: Nội dung quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Điều 6: Quy định điều khoản thi hành.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) Dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh (Bản giấy và bản điện tử);

(2) Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../2019 của Sở Tư pháp về thẩm định Dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh (Bản giấy và bản điện tử);

(3) Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định (Bản giấy và bản điện tử);

(4) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Bản điện tử);

(5) Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Bản điện tử).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (để trình)
 - Giám đốc;
 - Các PGĐ sở;
 - Lưu VT, XD&KTVB.
- Loan.3b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO 02

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo
tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày tháng năm 2019 về dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về chế độ báo cáo tại các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 5 Quy định về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“5. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11 Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“2. Phối hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 8 Quy định quy trình lập, thẩm định phương án giá, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá; phân cấp quản lý giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“9. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật hiện hành”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“Điều 21. Chế độ báo cáo định kỳ

1. Tên báo cáo

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Cơ quan nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*).

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định hiện hành về gửi nhận văn bản.

6. Thời hạn gửi báo cáo

Trước ngày 15 hàng tháng đối với báo cáo tháng, ngày 15 tháng cuối quý đối với báo cáo quý, ngày 15 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 15 tháng 12 đối với báo cáo năm.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo

a) Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 11 tháng trước đến ngày 10 của tháng thuộc kỳ báo cáo;

b) Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 11 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 10 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 11 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 11 tháng 6 đến ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo;

d) Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 11 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

9. Mẫu đề cương báo cáo

a) Phụ lục I là Mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kết quả thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng tháng;

b) Phụ lục II là Mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kết quả thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng quý, 6 tháng, hàng năm”.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Bãi bỏ Điều 15 Quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTrVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra)
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Như Điều 2 (để thi hành);
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Trưởng các phòng khối NCTH;
- Lưu: VT, NC

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn

PHỤ LỤC I (*Mẫu đề cương báo cáo ban hành kèm theo Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tháng .../....**

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1.1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chưa hoàn thành của kỳ báo cáo trước:

a) Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành đến thời điểm báo cáo của kỳ báo cáo trước (số lượng theo báo cáo kỳ trước): nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ, công việc đã hoàn thành: nhiệm vụ (hoàn thành trong hạn: ...nhiệm vụ; quá hạn:.... nhiệm vụ)

c) Nhiệm vụ, công việc chưa hoàn thành: nhiệm vụ (trong hạn: ... nhiệm vụ; quá hạn:....nhiệm vụ).

1. 2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong kỳ báo cáo

a) Tổng số nhiệm vụ được giao trong kỳ báo cáo: nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ, công việc đã hoàn thành: nhiệm vụ (hoàn thành trong hạn: ...nhiệm vụ; quá hạn:.... nhiệm vụ)

c) Nhiệm vụ, công việc chưa hoàn thành: nhiệm vụ (trong hạn: ... nhiệm vụ; quá hạn:....nhiệm vụ).

1.3. Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành lũy kế đến thời điểm báo cáo:.... nhiệm vụ (trong hạn:... nhiệm vụ; quá hạn:.... nhiệm vụ)

(Có biểu tự kiểm tra kết quả thực hiện kèm theo)

2. Đánh giá kết quả thực hiện

2.1. Kết quả đạt được

2.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân

3. Kiến nghị, đề xuất

PHỤ LỤC II (*Mẫu đề cương báo cáo ban hành kèm theo Quy chế theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Quý .../ 6 tháng/ năm...**

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1.1. Tổng số nhiệm vụ được giao tính đến thời điểm báo cáo:.... nhiệm vụ

1.2. Nhiệm vụ, công việc đã hoàn thành: nhiệm vụ, trong đó

- Hoàn thành trong hạn: ...nhiệm vụ.

- Hoàn thành nhưng quá hạn:.... nhiệm vụ.

1.3 Nhiệm vụ, công việc chưa hoàn thành: nhiệm vụ, trong đó

- Trong hạn: ... nhiệm vụ;

- Quá hạn:...nhiệm vụ.

(Có biểu tự kiểm tra kết quả thực hiện kèm theo)

2. Đánh giá kết quả thực hiện

2.1. Kết quả đạt được

2.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân

3. Kiến nghị, đề xuất

THỐNG KÊ KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO THÁNG .../...
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-.... ngày... tháng... năm.... của

Số TT	Số, ký hiệu	Ngày văn bản	Trích yếu	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện		Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Ghi chú
						Trong hạn	Quá hạn		
A	NHIỆM VỤ CHƯA HOÀN THÀNH KỲ TRƯỚC CHUYỂN SANG								
I	Nhiệm vụ đã hoàn thành								
1									
2									
...									
II	Nhiệm vụ chưa hoàn thành								
1									
2									
...									
B	NHIỆM VỤ PHÁT SINH TRONG KỲ								
I	Nhiệm vụ đã hoàn thành								
1									
2									
...									
II	Nhiệm vụ chưa hoàn thành								
1									
2									
...									

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH,
CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO QUÝ .../6 THÁNG/ NĂM...**

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-.... ngày... tháng... năm.... của)

STT	Số, ký hiệu	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện		Ghi chú
						Trong hạn	Quá hạn	
1								
2								
3								
...								

ĐƠN VỊ BÁO CÁO